TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **04**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 03 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa:

** Nguyên đơn:* Anh **Trịnh Quang M**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà xx, tổ y, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Chị **Đinh Thị Quỳnh M**, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký HKTT: Số nhà xx, tổ y, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở: Tổ xx, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Quang M và chị Đinh Thị Quỳnh M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Trịnh Thị Hương G, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2006 cho chị Đinh Thị Quỳnh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trịnh Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị Quỳnh M. Anh Trịnh Quang M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung:* Các đương sự xác nhận không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Trịnh Quang M tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000158 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho anh Trịnh Quang M số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Đinh Thị Quỳnh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố T (2 bản);
- THADS thành phố T (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã H (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn